

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121 /2020/HSPT

Ngày 29/4/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hồng Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Ông Đặng Văn Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Hồng Điệp - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 859/2019/TLPT-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo Vũ Thị N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của bị cáo và các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 308/2019/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**** Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:***

Vũ Thị N, sinh năm 1979; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã HN, huyện T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; con ông Vũ Văn B (đã chết) và bà Phí Thị Ng; gia đình có 03 chị em (bị cáo là con lớn nhất); có chồng là Nguyễn Mạnh Th và có 06 con (sinh các năm 1998, 2001, 2005, 2010, 2012 và ngày 08/01/2019); chưa có tiền án, tiền sự; không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

*** Luật sư bào chữa cho bị cáo** (theo chỉ định): Bà Đặng Thị Vân T - Văn phòng luật sư Kết Nối thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

**** Các bị hại có kháng cáo:***

1. Chị Đỗ Thị Thanh H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số 10A, ngõ 334, đường NT, phường QA, TH, Hà Nội; (có mặt).

2. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Thôn ĐK, xã VK, VG, Hưng Yên; (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 người bị hại và 07 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Vũ Thị N làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn điện tử Meiko Việt Nam (gọi tắt là Công ty Meiko) từ ngày 06/5/2013 đến ngày 06/6/2017, N đã xin nghỉ việc. Công ty Meiko có trụ sở tại Khu công nghiệp Thạch Thất, Hà Nội, do ông Gototoru, sinh năm 1961; quốc tịch: Nhật Bản làm Tổng Giám đốc.

Khoảng tháng 04/2017, Vũ Thị N tham gia họp lớp với các bạn cùng học cấp 2 (tại xã Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội) thì gặp người cô họ là chị Đỗ Thị Thanh H (đang làm kế toán của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Ngân), N giới thiệu với chị H là N đang làm việc tại Công ty Meiko và có mối quan hệ thân thiết với các cán bộ chủ chốt của công ty nên có khả năng giúp các doanh nghiệp ký kết được hợp đồng kinh tế với Công ty Meiko. Do chị H tin là N nói thật nên đã nói lại sự việc với anh Nguyễn Văn T1 là Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hậu Hữu Hưng - chuyên kinh doanh và sản xuất bao bì catron. Quá trình tiếp xúc và trao đổi, N đã đưa ra những thông tin thể hiện N có những mối quan hệ tốt đẹp với các lãnh đạo có thẩm quyền của Công ty Meiko, bản thân N có thể tác động để Công ty Hoàng Ngân của anh T1 được ký kết Hợp đồng dịch vụ vận tải, Công ty Hậu Hữu Hưng của anh P được ký Hợp đồng cung cấp bao bì sản phẩm làm từ bìa carton với Công ty Meiko.

Để chị H, anh T1 và anh P tin tưởng, N sử dụng nhiều điện thoại lắp các sim số điện thoại khác nhau, tự giả giọng mạo danh anh Nguyễn Đức P (tên khác: P râu là Trưởng phòng hành chính nhân sự của Công ty Meiko năm 2007-2014) và chị T2 (Phó phòng mua bán của Công ty Meiko - không có thực) để nhắn tin, gọi điện thoại nói chuyện và hứa hẹn sẽ ký kết Hợp đồng kinh tế với chị H, anh T1 và anh P. Để tạo lòng tin với các bị hại thì N còn tự lập Facebook cá nhân lấy tên “Yichi Mutoh” (là Tổng giám đốc Công ty Meiko) để trao đổi và nhắn tin với chị H về việc sẽ được ký kết Hợp đồng kinh tế với Công ty Meiko. Từ tháng 04/2017 đến tháng 03/2018, Vũ Thị N đã thực hiện các vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Tháng 04/2017, anh T1 và chị H nhờ N xin giúp cho Công ty Hoàng Ngân được ký kết Hợp đồng dịch vụ vận tải với Công ty Meiko.

Ngày 12/6/2017, anh T1, chị H đi xe đến đón N tại nhà riêng ở thôn 6, xã Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội và đưa đến một quán Cafe tại ngã ba thị trấn huyện Thạch Thất. Tại đây, anh T1 đưa cho N 01 phong bì bên trong có 5.000.000 đồng để N mời lãnh đạo Công ty Meiko đi ăn uống. Đến tối cùng ngày, N gọi điện thoại nói với anh T1 và chị H là cần phải chi 200.000.000 đồng để được ký kết hợp đồng. Chiều ngày 13/6/2017, anh T1 chuyển vào tài khoản số 45210000132536 của N (mở tại ngân hàng BIDV- Chi nhánh Thạch Thất) số

tiền 55.000.000 đồng. Sáng ngày 14/6/2017, anh T1 và chị H đi xe ô tô đưa N đến Nhà máy Meiko Việt Nam để gặp lãnh đạo công ty và xin ký hợp đồng, trên xe ô tô, anh T1 đưa tiếp cho N 150.000.000 đồng. Khi đến cổng Công ty Meiko, N bảo anh T1, chị H đứng đợi ở ngoài cổng còn N cầm tiền đi vào bên trong. Khi vào trong công ty, N không gặp lãnh đạo công ty như đã nói mà cất số tiền nhận của anh T1 vào tủ đồ cá nhân của N trong công ty (N đã xin nghỉ việc nhưng chưa trả lại tủ đồ cá nhân cho công ty). Sau đó, N đi ra và nói với anh T1, chị H là đã gặp và đưa tiền cho anh P, chị T2. Đồng thời, khi về đến nhà, N sử dụng 01 điện thoại Samsung và 01 điện thoại Iphone 7Plus (lắp các sim số 0946662299 và số 0901478219) gọi cho chị H, tự giả giọng nam giới xưng tên là P (Trưởng phòng nhân sự), giả giọng người phụ nữ miền Trung (tự xưng tên là T2 - Phó phòng mua bán của Công ty Meiko) xác nhận về việc đã nhận được số tiền N đưa.

Sau đó, N tiếp tục dùng các số điện thoại nêu trên, giả giọng và tự xưng là “P” hoặc “T2”, gọi vào số điện thoại của anh T1 và chị H, nói chuyện nhiều lần với nội dung: “Công ty Meiko đang có hợp đồng thu gom, xử lý phế liệu rác thải bo mạch điện tử nhưng đang ký kết và thực hiện với các công ty khác; nếu anh T1 và chị H muốn ký được hợp đồng với Công ty Meiko thì phải mua lại Hợp đồng, phải chi tiền cho lãnh đạo nhà máy và công ty ...”. Để củng cố thêm sự tin tưởng của anh T1, chị H, N lập một facebook cá nhân lấy tên là “Yichi Mutoh” có hình đại diện là ngọn núi Phú Sĩ của Nhật Bản và N nói với anh T1, chị H đó là facebook cá nhân của Tổng giám đốc Công ty Meiko người Nhật Bản. Tiếp theo, N sử dụng facebook cá nhân có tên “Yichi Mutoh” tự nhắn tin qua ứng dụng Messenger nói chuyện với facebook của N (theo danh nghĩa là Tổng giám đốc Công ty Meiko) hỏi thăm, quan tâm, thân thiết với N và đồng ý sẽ ký hợp đồng với bạn của N là anh T1 và chị H; N chụp ảnh màn hình điện thoại và chuyển các nội dung tin nhắn đó cho chị H xem. Sau đó, N yêu cầu anh T1, chị H chuyển tiền nhiều lần để mua lại Hợp đồng vận tải, Hợp đồng thu gom và xử lý phế liệu của các nhà thầu cũ; nộp tiền để chi cho lãnh đạo Công ty Meiko và một số bộ phận trong nhà máy Meiko nhằm xin ký được hợp đồng.

Từ tháng 06/2017 đến tháng 01/2018, anh T1 và chị H đã nhiều lần đưa tiền cho N (chuyển khoản hoặc đưa tiền trực tiếp), tổng cộng là 22.472.000.000 đồng (trong đó, anh T1 đưa 12.995.000.000 đồng, chị H đưa 9.477.000.000 đồng). Sau khi nhận được tiền, N đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Ngày 27/09/2017, N nói với anh T1, chị H là sắp đến sinh nhật của anh P (là Trưởng phòng hành chính nhân sự của Công ty Meiko, đồng thời là Phó Giám đốc nhà máy sản xuất của Công ty Meiko tại Thạch Thất) mục đích gợi ý anh T1, chị H mua quà tặng anh P. Anh T1, chị H đã mua 01 chiếc điện thoại Iphone 8 Plus 64GB màu vàng với giá 21.990.000 đồng đưa cho N để tặng sinh nhật anh P. N nhận và cất giữ chiếc điện thoại này đến tháng 11/2017 thì bán cho một cửa hàng buôn bán điện thoại N không nhớ địa chỉ để lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Quá trình điều tra xác định Vũ Thị N chiếm đoạt của anh T1, chị H tổng cộng là 22.493.990.000 đồng.

Vụ thứ hai:

Tháng 08/2017, thông qua chị Đỗ Thị Thanh H, N quen biết anh Phí Văn P là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Hậu Hữu Hưng; N hứa hẹn sẽ tác động cho anh P được ký kết Hợp đồng cung cấp bao bì sản phẩm làm từ bìa carton cho Công ty Meiko với chi phí là 3.000.000.000 đồng. N dùng các số điện thoại 0946662299 và 0901478219, giả giọng nam giới tự xưng tên là P - Phó giám đốc Công ty Meiko hoặc giọng phụ nữ miền Trung tự xưng là T2 - Phó phòng Mua bán Công ty Meiko gọi điện nói chuyện, nhắn tin làm anh P tin tưởng N sẽ giúp ký kết được hợp đồng với Công ty Meiko nên ngày 04/12/2017, anh P đã chuyển 3.000.000.000 đồng vào tài khoản số 45210000132536 của N mở tại ngân hàng BIDV chi nhánh Thạch Thất.

Tại Công văn số 09/30-5/MKVC ngày 30/5/2018, Công ty TNHH điện tử Meiko Việt Nam có các quan điểm như sau:

- "... Hiện nay, Công ty Meiko Việt Nam đang thực hiện các Hợp đồng vận tải, xử lý chất thải, cung cấp bao bì carton sản phẩm với các Công ty khác, không phải Công ty Hoàng Ngân hoặc Công ty Hậu Hữu Hưng. Công ty Meiko Việt Nam không có liên hệ, giao dịch nào với Công ty Hoàng Ngân hoặc Công ty Hậu Hữu Hưng.

- Vũ Thị N vào làm công nhân tạp vụ tại Công ty từ ngày 06/5/2013 đến ngày 24/6/2015 thì chuyển sang làm nhân viên bộ phận kiểm tra cuối của xưởng sản xuất. Ngày 06/6/2017, Vũ Thị N đã xin nghỉ việc tại Công ty.

- Nguyễn Đức P đã từng là Trưởng phòng Hành chính nhân sự của Công ty Meiko Việt Nam. Từ năm 2015, anh P đã chuyển sang làm Phó giám đốc tại Công ty kỹ thuật và thương mại Meiko (là một Công ty khác của Tập đoàn Meiko). Trong thời gian làm việc tại Công ty Meiko Việt Nam, anh P không có quyền quyết định về ký các Hợp đồng vận tải, xử lý phế liệu bo mạch điện tử và cung cấp bao bì cho Công ty.

- Tại Công ty Meiko không có người nào tên là T2 giữ chức vụ Phó phòng mua bán của Công ty...."

Kết quả xác minh tại Tổng công ty viễn thông Mobifone, Tổng công ty hạ tầng mạng VNPT và Tập đoàn viễn thông Viettel (bút lục 481, 538 và 585):

Theo các bảng kê chi tiết các cuộc gọi đi, gọi đến, thời gian gọi, vị trí cuộc gọi và tin nhắn của các số điện thoại 0913933351, số 0946662299 và số 0901478219, thể hiện: Các số điện thoại này nhiều lần nhắn tin, gọi điện thoại đến các số điện thoại của chị H, anh T1 và anh P; Số Imei của các điện thoại đã sử dụng để lắp các sim số điện thoại trên, phù hợp với số Imei của các điện thoại di động do Cơ quan điều tra thu giữ của Vũ Thị N. Ngày 18/9/2018, Tập đoàn Công nghiệp viễn thông Viettel có công văn xác định: Tại thời điểm đến tháng 9/2018, không còn lưu giữ dữ liệu của số điện thoại 0985094146 nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 3046/C54 (P6) ngày 18/7/2018, Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Tiếng nói của Vũ Thị N (giả giọng người tên P, T2 trong mẫu so sánh) và tiếng nói của người tự xưng và được gọi là "P", "T2" (trong mẫu cần giám định) là của cùng một người.

Sau khi chiếm đoạt tài sản của anh T1, chị H và anh P, N sử dụng để mua 02 căn nhà, trả nợ và tiêu xài cá nhân hết; cụ thể: Tháng 07/2017, N mua của

anh Nguyễn Trọng C (sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 24 phường MD, CG, Hà Nội) 01 căn nhà tại Số 11, ngõ 47, phố NH, MĐ 2, NTL, Hà Nội) với giá là 3.600.000.000 đồng; tháng 12/2017, N mua của anh Vũ Văn N1 (sinh năm 1971; địa chỉ: Số 67, phố THT, phường PL, HĐ, Hà Nội) 01 căn nhà tại khu tập thể Viện kiểm sát số 184, ngõ 07, đường Văn Phú, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội với giá là 4.200.000.000 đồng; N trả nợ cho chị Nguyễn Thị Bích C 1.450.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị T3 100.000.000 đồng và một số cá nhân khác. Tháng 03/2018, Vũ Thị N đã bán 02 căn nhà đã mua để khắc phục hậu quả, trả cho anh T1 4.570.000.000 đồng, trả cho chị H 1.753.000.000 đồng và trả cho anh P 1.000.000.000 đồng.

Đến nay, N còn chiếm đoạt của chị H 7.724.000.000 đồng, của anh T1 8.446.990.000 đồng và của anh P 2.000.000.000 đồng. Tổng cộng là 18.170.990.000 đồng.

Trong quá trình cơ quan điều tra đang điều tra về tội hành vi N “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với các bị hại Nguyễn Văn T1, Đỗ Thị Thanh H và Phí Văn P thì Vũ Thị N lại tiếp tục có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 850.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Liên, cụ thể như sau: Bị cáo hứa bán căn hộ 1514 Tòa nhà FLC đường Phạm Hùng cho chị L và nhận của chị L 850.000.000 đồng, nhưng căn nhà này không phải của bị cáo mà do bị cáo thuê ở với giá 14.000.000 đồng/tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu N phải bồi thường số tiền còn bị chiếm đoạt, tổng cộng 18.900.990.000 đồng; cụ thể: Chị H là 7.724.000.000 đồng, anh T1 là 8.446.990.000 đồng, anh P là 2.000.000.000 đồng và chị L là 730.000.000 đồng (trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, N đã trả trực tiếp cho chị L 120.000.000 đồng).

* Tại Cáo trạng số 132/CT- VKS- P2 ngày 20/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố Vũ Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 308/2019/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Thị N tù Chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Vũ Thị N phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là 18.900.990.000 đồng cho các bị hại:

+ Chị Đỗ Thị Thanh H là 7.724.000.000 (bảy tỷ, bảy trăm hai mươi bốn triệu) đồng;

+ Anh Nguyễn Văn T1 là 8.446.990.000 (tám tỷ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi ngàn) đồng;

+ Anh Phí Văn P là 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng;

+ Chị Nguyễn Thị L là 730.000.000 (bảy trăm ba mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, lãi suất chậm trả và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2019, bị cáo Vũ Thị N kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 14/10/2019, những người bị hại là chị Đỗ Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo đề nghị: Áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị cáo; bồi thường thiệt hại vật chất và tinh thần tính theo mức lãi xuất của ngân hàng; xem xét việc chồng của bị cáo là Nguyễn Mạnh T có vai trò đồng phạm hay không; ngoài ra, đề nghị xem xét xác minh làm rõ các tài sản khác của bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Những người bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo như đã nêu trên.

- Bị cáo Vũ Thị N khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết, bị cáo xác nhận việc xét xử là đúng người, đúng tội, không oan, bị cáo xuất trình tình tiết tại giai đoạn xét xử phúc thẩm đã bồi thường thêm cho chị H được số tiền 230.000.000 đồng và xin được giảm hình phạt.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Nhất trí quan điểm về tội danh, khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cáo tình tiết giảm nhẹ của bị cáo như bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường được một phần thiệt hại cho những người bị hại và sau khi xét xử sơ thẩm đã tiếp tục bồi thường được cho chị H số tiền 230.000.000 đồng, bị cáo phạm tội do trình độ hiểu biết pháp luật thấp và có hoàn cảnh khó khăn đang nuôi 06 người con trong đó có con mới sinh tháng 01/2019, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Đề nghị chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá nội dung kháng cáo của bị cáo, những nội dung kháng cáo của người bị hại. Đồng thời, cũng đánh giá tình tiết bị cáo bồi thường cho chị H số tiền 230.000.000 đồng sau giai đoạn xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, T1 tiết mới này của bị cáo là không đáng kể so với số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại, giữ nguyên các quyết định của bản án hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của những người bị hại, của Luật sư và của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa thấy phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người làm chứng và hoàn toàn phù hợp với các vật chứng được thu giữ, cũng như các

chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định:

Từ ngày 06/5/2013 đến ngày 06/6/2017, do Vũ Thị N làm việc tại Công ty Meiko nên N biết được một số thông tin về một số người có chức vụ trong công ty như: Tổng Giám đốc là ông Gototoru, Trưởng phòng hành chính nhân sự của Công ty Meiko là anh Nguyễn Đức P...

Vào khoảng tháng 04/2017, Vũ Thị N tham gia họp lớp với các bạn đã cùng học cấp 2 thì gặp người cô họ là chị Đỗ Thị Thanh H đang làm kế toán của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Ngân; tại đây, N giới thiệu với chị H là N đang làm việc tại Công ty Meiko và có mối quan hệ thân thiết với các cán bộ chủ chốt của công ty nên có khả năng giúp các doanh nghiệp được ký kết hợp đồng kinh tế với Công ty Meiko. Do chị H tin là N nói thật nên đã nói lại sự việc với anh Nguyễn Văn T1 là Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Ngân và anh Phí Văn P là Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hậu Hữu Hưng. Để chiếm được lòng tin của chị H, anh T1 và anh P thì N sử dụng nhiều điện thoại lắp các sim số khác nhau, tự giả giọng mạo danh anh Nguyễn Đức P - Trưởng phòng hành chính nhân sự của Công ty Meiko và chị T2 - Phó phòng mua bán của Công ty Meiko (người không có thực) để nhắn tin, gọi điện thoại nói chuyện và hứa hẹn sẽ ký kết Hợp đồng kinh tế với chị H, anh T1 và anh P. Đồng thời, N lập Facebook cá nhân đặt tên là “Yichi Mutoh” (là Tổng giám đốc Công ty Meiko) để trao đổi và nhắn tin với chị H về việc sẽ được ký kết Hợp đồng kinh tế với Công ty Meiko. Sau khi chiếm được lòng tin của chị H, anh T1 và anh P thì từ tháng 04/2017 đến tháng 03/2018, Vũ Thị N đã thực hiện các hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất:

Tháng 04/2017, anh T1 và chị H nhờ N xin giúp cho Công ty Hoàng Ngân được ký kết Hợp đồng dịch vụ vận tải với Công ty Meiko.

Ngày 12/6/2017, anh T1 và chị H đón N tại nhà riêng (thôn 6, xã HN, TT, Hà Nội) và đưa đến một quán Cafe tại ngã ba thị trấn huyện Thạch Thất; tại đây anh T1 đưa cho N 5.000.000 đồng để N mời lãnh đạo Công ty Meiko đi ăn uống. Đến tối cùng ngày, N gọi điện thoại nói với anh T1 và chị H là phải chi 200.000.000 đồng thì ký được hợp đồng nên đến chiều ngày 13/6/2017, anh T1 đã chuyển vào tài khoản số 45210000132536 của N tại ngân hàng BIDV chi nhánh Thạch Thất số tiền 55.000.000 đồng và sáng ngày 14/6/2017, anh T1 và chị H đi xe ô tô đưa N đến nhà máy Meiko Việt Nam để gặp lãnh đạo công ty xin ký hợp đồng thì anh T1 đưa tiếp cho N 150.000.000 đồng. Khi đến cổng công ty, N nói anh T1, chị H đứng đợi ở ngoài cổng còn N cầm tiền đi vào bên trong. Khi vào trong công ty, N cất số tiền nhận của anh T1 vào tủ đồ cá nhân của N (N đã xin nghỉ việc nhưng chưa trả lại tủ đồ cá nhân cho công ty) rồi đi ra và nói với anh T1, chị H là đã gặp và đưa tiền cho anh P, chị T2. Khi về đến nhà, N sử dụng 01 điện thoại Samsung và 01 điện thoại Iphone 7Plus (lắp các sim số 0946662299 và số 0901478219) gọi cho chị H, tự giả giọng nam giới xưng tên là P - Trưởng phòng nhân sự, giả giọng người phụ nữ miền Trung tên là T2 - Phó phòng mua bán của Công ty Meiko để xác nhận về việc đã nhận được số tiền do N giao.

Sau đó, N tiếp tục dùng các số điện thoại nêu trên, giả giọng và tự xưng là “P” hoặc “T2”, gọi vào số điện thoại của anh T1 và chị H, nói chuyện nhiều lần với nội dung: “Công ty Meiko đang có hợp đồng thu gom, xử lý phế liệu rác thải bo mạch điện tử nhưng đã ký kết và đang thực hiện hợp đồng với các công ty khác, nếu anh T1 và chị H muốn có được hợp đồng với Công ty Meiko thì phải mua lại hợp đồng, phải chi tiền cho lãnh đạo nhà máy và công ty ...”. Để củng cố thêm sự tin tưởng của anh T1, chị H, N còn lập một facebook cá nhân lấy tên là “Yichi Mutoh” có hình đại diện là ngọn núi Phú Sĩ của Nhật Bản và N nói với anh T1, chị H đó là facebook cá nhân của Tổng giám đốc Công ty Meiko người Nhật Bản. Tiếp theo, N sử dụng facebook cá nhân có tên “Yichi Mutoh” tự nhắn tin qua ứng dụng Messenger nói chuyện với facebook của N (theo danh nghĩa là Tổng giám đốc Công ty Meiko) hỏi thăm, quan tâm, thân thiết với N và đồng ý sẽ ký hợp đồng với bạn của N là anh T1 và chị H; sau đó, N chụp ảnh màn hình điện thoại và chuyển các nội dung tin nhắn đó cho chị H xem rồi yêu cầu anh T1, chị H chuyển tiền để mua lại Hợp đồng vận tải, mua Hợp đồng thu gom và xử lý phế liệu của các nhà thầu cũ; nộp tiền để chi cho lãnh đạo Công ty Meiko và một số bộ phận trong nhà máy Meiko nhằm xin ký được hợp đồng.

Tổng cộng từ tháng 06/2017 đến tháng 01/2018, anh T1 và chị H đã nhiều lần chuyển khoản hoặc đưa tiền trực tiếp cho N với số tiền là 22.472.000.000 đồng (trong đó, anh T1 đưa 12.995.000.000 đồng, chị H đưa 9.477.000.000 đồng). Sau khi nhận được tiền, N đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Ngày 27/09/2017, N nói với anh T1, chị H là sắp đến sinh nhật của anh P - Trưởng phòng hành chính nhân sự của Công ty Meiko kiêm Phó Giám đốc nhà máy sản xuất của Công ty Meiko tại Thạch Thất nhằm mục đích gợi ý anh T1, chị H mua quà tặng anh P. Anh T1, chị H đã mua 01 chiếc điện thoại Iphone 8 Plus 64GB màu vàng với giá 21.990.000 đồng đưa cho N để tặng sinh nhật anh P. N nhận và cất giữ chiếc điện thoại này đến tháng 11/2017 thì bán cho một cửa hàng buôn bán điện thoại N không nhớ địa chỉ để lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Như vậy, tổng số tiền Vũ Thị N chiếm đoạt của anh T1, chị H tổng cộng là 22.493.990.000 đồng.

2. Vụ thứ hai:

Tháng 08/2017, cũng thông qua chị Đỗ Thị Thanh H, N quen biết anh Phí Văn P (Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Hậu Hữu Hưng - chuyên kinh doanh và sản xuất bao bì catron); N hứa hẹn sẽ tác động cho anh P được ký kết Hợp đồng cung cấp bao bì sản phẩm (làm từ bìa catron) cho Công ty Meiko với chi phí là 3.000.000.000 đồng. Cùng với thủ đoạn tương tự như trên, N dùng các số điện thoại 0946662299 và 0901478219 và giả giọng nam giới tự xưng tên là P - Phó giám đốc Công ty Meiko hoặc giọng phụ nữ miền Trung tự xưng là T2 - Phó phòng Mua bán Công ty Meiko gọi điện nói chuyện, nhắn tin làm anh P tin tưởng N sẽ giúp ký kết được Hợp đồng với Công ty Meiko nên ngày 04/12/2017, anh P đã chuyển 3.000.000.000 đồng vào tài khoản số 45210000132536 của N mở tại ngân hàng BIDV chi nhánh Thạch Thất.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh tại Công ty TNHH điện tử Meiko Việt Nam, kết quả xác minh như sau:

- Vũ Thị N vào làm công nhân tạp vụ tại Công ty từ ngày 06/5/2013 đến ngày 24/6/2015 thì chuyển sang làm nhân viên bộ phận kiểm tra cuối của xưởng sản xuất. Ngày 06/6/2017, Vũ Thị N đã xin nghỉ việc tại Công ty.

- Tại Công văn số 09/30-5/MKVC ngày 30/5/2018, Công ty TNHH điện tử Meiko Việt Nam có quan điểm: "... Hiện nay, Công ty Meiko Việt Nam đang thực hiện các Hợp đồng vận tải, xử lý chất thải, cung cấp bao bì carton sản phẩm với các Công ty khác, không phải Công ty Hoàng Ngân hoặc Công ty Hậu Hữu Hưng. Công ty Meiko Việt Nam không có liên hệ, giao dịch nào với Công ty Hoàng Ngân hoặc Công ty Hậu Hữu Hưng.

- Nguyễn Đức P đã từng là Trưởng phòng hành chính nhân sự của Công ty Meiko Việt Nam. Từ năm 2015, anh P đã chuyển sang làm Phó giám đốc tại Công ty kỹ thuật và thương mại Meiko (là một Công ty khác của Tập đoàn Meiko). Trong thời gian làm việc tại Công ty Meiko Việt Nam, anh P không có quyền quyết định về ký các Hợp đồng vận tải, xử lý phế liệu bo mạch điện tử và cung cấp bao bì cho Công ty.

- Tại Công ty Meiko không có người nào tên là T2 giữ chức vụ Phó phòng mua bán của Công ty...."

Kết quả xác minh tại Tổng công ty viễn thông Mobifone, Tổng công ty hạ tầng mạng VNPT và Tập đoàn viễn thông Viettel:

Theo các bảng kê chi tiết các cuộc gọi đi, gọi đến, thời gian gọi, vị trí cuộc gọi và tin nhắn của các số điện thoại 0913933351, số 0946662299 và số 0901478219, thể hiện: Các số điện thoại này nhiều lần nhắn tin, gọi điện thoại đến các số điện thoại của chị H, anh T1 và anh P; Số Imei của các điện thoại đã sử dụng để lắp các sim số điện thoại trên, phù hợp với số Imei của các điện thoại di động do Cơ quan điều tra thu giữ của Vũ Thị N. Ngày 18/9/2018, Tập đoàn Công nghiệp viễn thông Viettel có công văn xác định: Tại thời điểm đến tháng 9/2018, không còn lưu giữ dữ liệu của số điện thoại 0985094146 nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 3046/C54 (P6) ngày 18/7/2018, Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Tiếng nói của Vũ Thị N (giả giọng người tên P, T2 trong mẫu so sánh) và tiếng nói của người tự xưng và được gọi là "P", "T2" (trong mẫu cần giám định) là của cùng một người.

Sau khi chiếm đoạt tài sản của anh T1, chị H và anh P, N sử dụng để mua 02 căn nhà, trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Tháng 03/2018, Vũ Thị N bán 02 căn nhà đã mua để khắc phục hậu quả, trả cho anh T1 4.570.000.000 đồng, trả cho chị H 1.753.000.000 đồng và trả cho anh P 1.000.000.000 đồng. Đến nay, N còn chiếm đoạt của chị H 7.724.000.000 đồng, của anh T1 8.446.990.000 đồng và của anh P 2.000.000.000 đồng. Tổng cộng là 18.170.990.000 đồng.

Trong quá trình cơ quan điều tra đang điều tra về tội hành vi N "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" đối với các bị hại Nguyễn Văn T1, Đỗ Thị Thanh H và Phí Văn P thì Vũ Thị N lại tiếp tục có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 850.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Liên.

Do có hành vi phạm tội như đã nêu trên và căn cứ vào số tiền bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm bị quy kết tổng cộng là 18.900.990.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Vũ Thị N

về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền sở hữu riêng tài sản của công dân, hành vi phạm tội của bị cáo gây bất bình trong xã hội, gây mất trật tự trị an nên cần phải xét xử bị cáo với mức án thật nghiêm khắc là hoàn toàn cần thiết.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết, bị cáo xác nhận việc xét xử là đúng người, đúng tội, không oan và xin giảm nhẹ hình phạt. Đồng thời, bị cáo xuất trình tình tiết mới tại giai đoạn xét xử phúc thẩm là bị cáo tiếp tục bồi thường cho chị H được 230.000.000 đồng. Tuy nhiên, thấy mặc dù bị cáo tiếp tục bồi thường cho chị H được số tiền 230.000.000 tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, được chị H thừa nhận tại phiên tòa nhưng tình tiết mới này không phải là tình tiết đáng kể so với tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt được của các bị hại và thông qua xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa hôm nay thấy không có thêm tình tiết mới nào khác làm ảnh hưởng cơ bản đến việc giảm trách nhiệm hình sự của bị cáo, các tình tiết của vụ án đều đã được cấp sơ thẩm cơ bản làm rõ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng đều được cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng đúng pháp luật nên thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Xét kháng cáo của những người bị hại, Hội đồng xét xử thấy:

Trong quá trình bị cáo thực hiện hành vi lừa các bị hại là chị H, anh T1, anh P và chị L thì chính những người bị hại đều thừa nhận trực tiếp thỏa thuận, giao tiền cho bị cáo, họ không trao đổi với ai khác ngoài bị cáo và thừa nhận không có sự tham gia của bất kỳ người nào khác cũng như không có sự xuất hiện thêm người nào khác trong quá trình trao đổi, đưa tiền cho bị cáo; quá trình điều tra, cơ quan điều tra không chứng minh được có đồng phạm. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù bị hại kháng cáo cho rằng có đồng phạm nhưng không có căn cứ chứng minh, lời trình bày của người bị hại chỉ là suy diễn. Đối với đề nghị bồi thường thiệt hại thấy quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm các bị hại chỉ đề nghị bị cáo phải trả lại cho họ số tiền đã chiếm đoạt, như vậy, vấn đề này người bị hại chưa đề nghị giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết; các bị hại có quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, đối với một số nội dung kháng cáo khác như đề nghị áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị cáo, xác minh tài sản của bị cáo, xác minh hành vi tẩu tán tài sản của bị cáo..., xét thấy tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, đồng thời nội dung này không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết. Các bị hại có quyền gửi đơn đến tố cáo đến cơ quan điều tra hoặc gửi đơn đề nghị giải quyết đến cơ quan thi hành án khi có căn cứ chứng minh.

Tổng hợp những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cũng như nội dung kháng cáo của những người bị hại. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Các phân quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo

phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; những người bị hại không được chấp nhận kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị N và kháng cáo của người bị hại là chị Đỗ Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn T1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 308/2019/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Ghi nhận tại giai đoạn xét xử phúc thẩm Vũ Thị N đã tiếp tục bồi thường cho chị Đỗ Thị Thanh H số tiền là 230.000.000 đồng. Số tiền Vũ Thị N còn phải bồi thường cho chị Đỗ Thị Thanh H là 7.494.000.000 đồng (bảy tỷ bốn trăm chín mươi bốn triệu đồng).

Các nội dung khác được giữ nguyên.

3. Áp phí phúc thẩm:

- Bị cáo Vũ Thị N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị hại là chị Đỗ Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn T1 mỗi người phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo các Biên lai thu lần lượt số AA/2018/0013668 và số AA/2018/0013667 cùng ngày 18 tháng 10 năm 2019 (xác nhận chị Đỗ Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn T1 đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại H Nội;
- TAND tHnh phố H Nội;
- VKSND tHnh phố H Nội;
- Công an tHnh phố H Nội;
- Trại tạm giam tHnh phố H Nội;
- Cục THADS tHnh phố H Nội;
- Bị cáo, người bị hại có kháng cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hồng Sơn